

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 3338/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Việt Trì, ngày 22 tháng 10 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới
cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 99/2008/TTg ngày 14/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4801/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công thương tại tờ trình số 44/TTr-SCT ngày 09/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy định số 4801/2009-UBND ngày 31/12/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

1. Quan điểm và mục tiêu:**1.1. Quan điểm:**

- Quy hoạch phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là một trong những biện pháp kinh tế - kỹ thuật quan trọng nhằm đẩy mạnh quá trình thực hiện công nghiệp hoá và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Chú trọng đến yêu cầu đảm bảo tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh của các cơ sở kinh doanh xăng dầu; phải đảm bảo tính hợp lý giữa phát triển số lượng và quy mô.

- Triển khai đồng thời với quy hoạch các hạng mục khác để đảm bảo việc cấp đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng được thuận lợi, đáp ứng nhu cầu dân sinh, cảnh quan, môi trường, sinh thái, an sinh cháy nổ và hiệu quả kinh doanh các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.

1.2. Mục tiêu:

- Tốc độ tăng trưởng khối lượng tiêu thụ xăng dầu qua mạng lưới đạt bình quân 12%/năm trong giai đoạn đến 2020.

- Đảm bảo quy mô tiêu thụ bình quân của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 tăng gấp 1,5 - 1,6 lần so với quy mô tiêu thụ bình quân hiện nay.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn phòng chống cháy nổ tại các điểm kinh doanh xăng dầu; 100% điểm kinh doanh đạt tiêu chuẩn về điều kiện kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung Quy hoạch:

2.1. Định hướng phát triển:

- Phát triển mạng lưới xăng dầu theo địa bàn: Nên khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu mở rộng quy mô các hàng hiện có. Giai đoạn 2010 - 2015, chú trọng đến phương diện tăng quy mô các cửa hàng hiện có. Giai đoạn 2010 - 2015, chú trọng đến phương diện tăng quy mô và điều chỉnh vị trí của các cửa hàng hợp lý hơn với quá trình phát triển thực tế của nhu cầu tiêu thụ xăng dầu. Giải tỏa di dời những cửa hàng không đảm bảo các quy định về kinh doanh xăng dầu hiện hành.

- Phát triển các chủ thể tham gia kinh doanh: Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc gia sẽ tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế, đặc biệt khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tham gia kinh doanh các mặt hàng xăng dầu khác tham gia cung ứng và tạo lập mạng lưới bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo việc thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh có tính đặc thù này nhưng cần hạn chế những khó khăn cho việc tham gia thị trường của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phát triển các loại hình cửa hàng kinh doanh: Phát triển loại hình cửa hàng kinh doanh chuyên sâu, tổ hợp các mặt hàng xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Phát triển các loại hình cửa hàng đa dạng về phương thức phục vụ.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh: Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh xăng dầu trên cơ sở các chủ thể chấp hành đầy đủ các quy định các cơ quan quản lý và các chủ thể kinh doanh xăng dầu một cách thường xuyên để có thể chủ động điều chỉnh cơ chế quản lý, bao gồm cả việc điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu nhằm đảm bảo lợi ích cho các chủ thể kinh doanh và lợi ích kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

2.2. Quy mô và địa điểm xây dựng cửa hàng xăng dầu:

Cửa hàng xăng dầu là nơi diễn ra hoạt động dịch vụ thương mại, đồng thời cũng là một công trình kiến trúc gắn liền với cảnh quan. Do vậy khi lựa chọn địa điểm xây dựng cửa hàng xăng dầu mới cần xác lập những tiêu thức chung bảo đảm được những yêu

cầu: Tuân thủ các nguyên tắc quản lý; thuận lợi nhất cho dịch vụ thương mại; bảo đảm an toàn về phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; hoà hợp về cảnh quan kiến trúc đô thị xung quanh.

Từ đó xác lập những tiêu chí chung về địa phương xây dựng cửa hàng xăng dầu như sau:

a) Địa điểm xây dựng không vi phạm vào các quy hoạch khác của Nhà nước và của tỉnh.

b) Tuân thủ những quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4530 - 1998.

c) Khoảng cách giữa các cửa hàng xăng dầu:

- Các cửa hàng xăng dầu theo trục đường trên tuyến quốc lộ không có giải phân cách không nhỏ hơn 2.000 m (đối với nội thị).

- Các cửa hàng xăng dầu theo trục đường trên tuyến quốc lộ có giải phân cách không nhỏ hơn 3.000 m về một phía (đối với nội thị).

- Các cửa hàng xăng dầu ngoài khu vực đô thị trên tuyến quốc lộ không nhỏ hơn 12.000m.

Địa bàn tỉnh Phú Thọ là vùng đồng bằng, nông thôn có đồi núi trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ... nên dự kiến khoảng cách tương đối căn cứ vào nhu cầu tiêu thụ xăng dầu, mật độ dân cư, khoảng cách phù hợp để Quy hoạch thuận tiện cho nhà đầu tư lựa chọn vị trí địa điểm, hơn nữa tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan liên quan xem xét cấp phép thủ tục.

d) Yêu cầu diện tích phải xử lý (xoá bỏ, đình chỉ kinh doanh hay phải di chuyển đến vị trí khác) là các cửa hàng có diện tích quá nhỏ hoặc không đảm bảo yêu cầu về an toàn phòng chống cháy nổ, gây ô nhiễm môi trường, v.v...

- Các cửa hàng phát triển thêm phải có diện tích tối thiểu của cửa hàng loại 1 $\geq 1.200m^2$, loại 2 $\geq 800m^2$, loại 3 $\geq 200m^2$ (riêng khu vực nội thị ở thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ do khó khăn về mặt bằng, yêu cầu tối thiểu của 1 cửa hàng loại 3 phải là 400m² trở lên, đảm bảo được các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, môi trường).

2.3. Mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh:

Tổng số cửa hàng trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2020 : 270 cửa hàng (trong đó: Số cửa hàng xây mới 143 cửa hàng (bao gồm cả 13 cửa hàng di dời để xây mới, việc di dời và xoá bỏ đối với các cửa hàng này phải thực hiện trong thời hạn đến hết năm 2011); số cửa hàng nâng cấp, cải tạo là 127 cửa hàng), được phân bố cụ thể như sau:

2.3.1. Thành phố Việt Trì: 32 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 03 CHXD loại I, 09 CHXD loại II, 20 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng là 22 CHXD, xây mới 10 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời).

2.3.2. Thị xã Phú Thọ: 13 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 02 CHXD loại I; 06 CHXD loại II; 05 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 8 CHXD, xây mới 5 CHXD.

2.3.3. Huyện Đoan Hùng: 34 cửa hàng kinh doanh xăng dầu trong đó: 01 CHXD loại I; 03 CHXD loại II; 30 CHXD loại III, số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 18 CHXD, xây mới 16 CHXD.

2.3.4. Huyện Hạ Hoà: 16 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 04 CHXD loại II, 12 CHXD loại III, số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 7 CHXD, xây mới 9 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời).

2.3.5. Huyện Thanh Ba: 14 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 01 CHXD loại I; 03 CHXD loại II; 10 CHXD loại III. Số CHXD cần nâng cấp cải tạo, CHXD, xây mới 10 CHXD (bao gồm cả 03 CHXD di dời).

2.3.6. Huyện Cẩm Khê: 16 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 02 CHXD loại II, 4 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 4 CHXD, xây mới 12 CHXD (bao gồm cả 02 CHXD di dời)

2.3.7. Huyện Phù Ninh: 22 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 06 CHXD loại II, 16 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 13 CHXD, xây mới 09 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời)

2.3.8. Huyện Lâm Thao: 20 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 01 CHXD loại I, 04 CHXD loại II; 15 CHXD loại III, Số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 09 CHXD, xây mới 11 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời).

2.3.9. Huyện Tam Nông: 16 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 04 CHXD loại II, 12 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 5 CHXD, xây mới 11 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời).

2.3.10. Huyện Thanh Thủy: 18 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 03 CHXD loại II, 15 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 14 CHXD, xây mới 04 CHXD.

2.3.11. Huyện Yên Lập: 12 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 01 CHXD loại II, 11 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 2 CHXD, xây mới 10 CHXD (bao gồm cả 02 CHXD di dời).

2.3.12. Huyện Thanh Sơn: 35 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 03 CHXD loại II, 32 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 15 CHXD, xây mới 20 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời).

2.3.13. Huyện Tân Sơn: 22 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, trong đó: 01 CHXD loại II, 21 CHXD loại III; số CHXD cần nâng cấp cải tạo, mở rộng 6 CHXD, xây mới 16 CHXD (bao gồm cả 01 CHXD di dời).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

3. Nhu cầu về quỹ đất:

Tổng nhu cầu tối thiểu về quỹ đất để xây dựng hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là 278.356,6 m²

4. Nhu cầu về vốn:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư với các cửa hàng xăng dầu trong thời kỳ quy hoạch là 356,3 tỷ đồng, trong đó: giai đoạn 2010 - 2015 là 177,4 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 178,8 tỷ đồng.

5. Các giải pháp chủ yếu:

5.1. Giải pháp về đầu tư phát triển:

- Giành quỹ đất cho yêu cầu di chuyển, mở rộng, đầu tư xây mới các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh, trước mắt cần xác định cho giai đoạn đến 2015.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu làm các thủ tục liên quan đề đầu tư xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn.

5.2. Giải pháp từ phía doanh nghiệp

Để phát triển nhanh số lượng các doanh nghiệp và cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, cần khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường hợp tác với nhau, sáp nhập hoặc chuyên nhượng lại để nâng quy mô và mở rộng mạng lưới kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, tăng khả năng tích lũy và tái đầu tư của doanh nghiệp.

5.3. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước và quản lý các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ:

- Tăng cường vai trò quản lý của các ngành, các cấp đảm bảo thực hiện các quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu trên địa bàn theo đúng quy hoạch được duyệt; bảo đảm hệ thống cung ứng xăng dầu hợp lý, có tính liên kết vùng; triển khai đồng thời với quy hoạch các hạng mục khác; chủ động điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu trong quá trình thực hiện, đảm bảo lợi ích của các chủ thể kinh doanh và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản pháp lý quy định về các điều kiện kinh doanh xăng dầu, bảo đảm mọi hoạt động kinh doanh xăng dầu của các chủ thể kinh tế tuân thủ quy định về điều kiện kinh doanh xăng dầu và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

- Tăng cường hướng dẫn, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu nhằm đảm bảo không dây ô nhiễm môi trường và an toàn cháy nổ; thực hiện công tác chống gian lận trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện đơn giản hoá thủ tục cấp phép kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước về việc đầu tư xây dựng các cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

- Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh không chỉ về các chỉ tiêu kinh doanh của doanh nghiệp, mà cả những đề xuất của doanh nghiệp về việc di chuyển, mở rộng cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

5.4. Giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Hiện trạng môi trường của mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

Cơ sở vật chất của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện nay phân bố trên địa bàn chưa hợp lý, như: Chủ yếu tập trung ở thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và trên các tuyến quốc lộ, còn lại trên địa bàn khác lại rất ít; đặc biệt, ở các xã và các tuyến giao thông mới mở, nhiều cửa hàng nằm cạnh nhà dân, khách sạn, cửa hàng ăn uống.... nhiều cửa hàng có quy mô nhỏ, nên dễ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường:

- Đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí của Việt Nam về thiết kế các cửa hàng bán lẻ xăng dầu; Khi quy hoạch xây dựng các cửa hàng cần đảm bảo số lượng và chất lượng các hạng mục công trình cần thiết như: hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài; hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tùy theo quy mô từng dự án cụ thể.

- Tăng cường trách nhiệm, phối hợp quản lý giữa các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc chỉ đạo, giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với cán bộ, nhân viên bán hàng về trách nhiệm bảo vệ môi trường, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác môi trường.

8.5. Giải pháp phát triển khoa học và công nghệ:

Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tiến hành đổi mới kỹ thuật, công nghệ kinh doanh trên các phương diện, như: Tích cực thúc đẩy việc áp dụng kỹ thuật quản lý kinh doanh hiện đại, nâng cao khả năng áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Công thương có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu và các văn bản có liên quan. Hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch, báo cáo UBND tỉnh.

- Kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện đầu tư điều kiện kinh doanh xăng dầu cho các cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, thẩm định các thủ tục cấp giấy đăng ký kinh doanh xăng dầu cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.

- Nghiêm cứu xây dựng định hướng thu hút các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn trong thời kỳ quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Phối hợp với UBND các huyện, thành, thị và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện thủ tục về giao đất và các thủ tục liên quan để xây dựng các cửa hàng bán lẻ xăng dầu phù hợp với quy hoạch phát triển chung của từng giai đoạn theo quy định.

4. Sở xây dựng có trách nhiệm:

Hướng dẫn, thẩm định, cấp phép cho xây dựng mới hoặc sửa chữa nâng cấp mở rộng các cửa hàng kinh doanh xăng dầu theo quy hoạch và các quy định khác đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

5. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm:

Phối hợp với chính quyền huyện, thị, thành phố và các Sở, ngành có liên quan để xác định rõ giới hạn lộ giới, hành lang an toàn giao thông đối với những tuyến giao thông đường bộ, đường thủy trên địa bàn được phân cấp theo quy định làm cơ sở cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng dự án theo Quy hoạch đã được duyệt.

6. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, thẩm định chất lượng thiết bị, máy móc, phương tiện phục vụ kinh doanh xăng dầu đảm bảo đúng các quy chuẩn quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành, thường xuyên kiểm tra chất lượng xăng dầu, hệ thống đo lường, các thiết bị phục vụ, chống sự cố, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu.

7. Công an tỉnh có trách nhiệm:

- Thoả thuận thiết kế kỹ thuật xây dựng, nghiệm thu an toàn hệ thống phòng cháy chữa cháy với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

8. UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm:

- Theo dõi tình hình phát triển các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất các biện pháp xử lý đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Quản lý, kiểm tra chặt chẽ việc đầu tư xây dựng cơ bản các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn và chỉ được cấp phép xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu (theo pháp cấp) theo đúng địa điểm quy hoạch, 6 tháng và hàng năm báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Công thương để tổng hợp) về việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn mình quản lý.

- Căn cứ Quy hoạch, xác định địa điểm phát triển phù hợp trên từng địa bàn, xác nhận bằng văn bản địa điểm xây dựng đối với các cửa hàng mở mới.

9. Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

- Nghiêm chỉnh chấp hành Quy hoạch phát triển mạng lưới cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 và các quy định có liên quan.

- Chủ động xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch, cải tạo, sửa chữa nâng cấp mở rộng hoặc đầu tư phát triển cơ sở kinh doanh xăng dầu của đơn vị một cách kịp thời theo yêu cầu mới, theo đúng tiến độ trong Quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Tài chính Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Thao (Đã ký)

Phụ biểu
Kèm theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Phú Thọ

Chi tiêu CHXD	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
				I. Thành phố Việt							
1. CHXD khu 1A, P. Nông Trang (trên đường Hùng Vương gần ngã ba Hòa Phòng)	1,000	1,000	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
2. CHXD Quân đội, Khu đoàn kết, đường Lạc Long Quân, Phường Tiên Cát	1,000	1,000	2	0	0	0	0	0	1	0	1
3. CHXD khi 1, Dũu Lâu, Đường Trần phú, giáp cuối đường Nguyễn Du, cạnh chợ Dầu	230	400	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0.0
4. Đại lý Cty XD Quân đội, Đường Lạc Long Quân, tổ 23, khu Hồng Hà, phường Bến Gót	2,094	2,094	2	0	0	0	0	0	1	0	1
5. Đại lý xăng dầu cảng Việt Trì, phường Bến Gót, khu cảng Việt Trì	500	500	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
6. Đại lý XD Hàng Không, đường Hùng Vương, Phường Bến Gót (cạnh NM Bai Viger)	2,910	2,910	2	0	0	0	0	0	1	0	1
7. CHXD, LICOGI 14, khu Hồng Hà 1, đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bến Gót	2,612	2,612	2	0	0	0	0	0	1	0	1
8. CHXD số 24, đường Hai Bà Trưng, Phường Thọ Sơn (gần UBND phường Thọ Sơn)	329	400	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
9. CHXD Bến Gót, đường Lạc Long Quân, Phường Bến Gót	166	400	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
10. CHXD Tân Phú, phố Tân Phú, đường Trần Phú, Phường Tân Dân (gần Công An tỉnh)	160	400	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
11. CHXD số 2, Khu 1, Vân Phú, đường Hùng Vương (giáp ngã ba Đền Hùng)	450.7	450.7	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
12. CHXD Quân khu II, Khu 1, Vân Phú, đường Hùng Vương, giáp Quân khu 2	600	1000	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
13. Trạm xăng dầu, Khu 3, Vân Phú, đường vào khu Công nghiệp Thụy Vân	400	400	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
14. CHXD số 1, đường Hùng Vương Phường Vân Cơ cạnh Cty XD Phú Thọ	1200	1200	1	0	0	0	0	1	0	2	0
15. CHXD số 32, đường Tân Viên P, Vân Cơ ngã ba đường Hùng Vương đi trại gam PD 200m	1100	1100	3	0	0	0	0	1	0	2	0
16. CHXD Cty CP ô tô Vĩnh Phú, đường Hùng Vương, nút A11 - A12 Phường Vân Cơ	750	750	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
17. CHXD Vĩnh Phú, đường Nguyệt Cù (Phường Minh Phương) gần Đàng Kiểm Phú Thọ	560	560	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0

18. CHXD Gia Cẩm, đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Gần bến xe Khách Việt Trì	400	400	1	0	0	0	0	1	0	08	0
19. CHXD Gia Cẩm, đường Hà Huy Tập, Phường Gia Cẩm, sau khách sạn Phương Nam	400	400	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
20. CHXD Hùng Lô - khu dời sáu trên đường Chiến Thắng Sông Lô, xã Hùng Lô	1200	1200	2	0	0	0	0	1	0	0.8	0
21. CHXD Nút A11 - C10 khu 5 đường Nguyễn Tất Thành, gần ĐH Hùng Vương	450	450	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
22. CHXD Bạch Hạc, trên QL2 (ngã ba vào đường du lịch) giáp tỉnh Vĩnh Phúc	520	600	3	1	0	1	0	0	0	1.5	0

Chỉ tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
CHXD											
23. CHXD Phương Lâu (Đường Phù Đổng) gần Trường ĐH Hùng Vương	0	2000	1	1	0	0	0	0	0	3	0
24. CHXD Phương Lâu (Đường Trường Chinh) giáp Vân Phú	0	1500	2	1	0	0	0	0	0	2	0
25. CHXD Đ. Nguyễn Tất Thành, thôn Trảng An (khu 10 Thanh Miếu)	0	400	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
26. CHXD Hy Cương (khu 4 xã Hy Cương) Km 5 + 300 QL 32C cũ hướng VT - LThao	0	400	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
27. CHXD Khu Đồng Lám 0 xã Thụy Vân ngã ba đĩ khu công nghiệp Thụy Vân gần UBND xã	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
28. CHXD Minh Nông (KV gần ngã ba đường QL 32C mới và đường TL 320, phường Minh Nông	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
29. CHXD Trưng Vương nút A10 - C10 đường NTT kéo dài đi xã Trưng Vương	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
30. CHXD. Nút A9. C9, đường Hoà Phong kéo dài cách điểm giao đường NT Thành 50m	0	1500	3	1	0	0	0	0	0	2	0
31. CHXD Đoạn C10 khu đô thị Bắc Việt Trì (gần ngã tư Đường Nguyễn Tất Thành giao đường từ đường Hùng Vương đi vào nghĩa trang An Thái	0	1500	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
Quy hoạch đến năm 2010 Việt Trì có 31 CHXD	19,431.1	30,126.7		8	2	1	0	14	8	30.1	10.9
II. Thị xã Phú Thọ											
1. CHXD số 10, phố Tân An phường Hùng Vương trên tỉnh lộ 315	1,000	1,000	2	0	0	0	0	0	1	0	1
2. CHXD số 9, Khu 18, xã Phú Hộ trên Q.Lộ 2 (Cty XD Phú Thọ)	500	500	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
3. CHXD Dốc Tỉnh, phố Long Xuyên Phường Hùng Vương trên tỉnh lộ 315	500	500	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
4. CHXD Trường Thịnh, khu 7 phường Trường Thịnh Tỉnh lộ 315	1,000	1,000	1	0	0	0	0	0	1	0	1.5
5. CHXD Hà Lộc, khu 4 xã Hà Lộc trên tỉnh lộ 315	500	1,500	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
6. CHXD Phú Hộ, Khu 3 Phú Hộ trên Q.lộ 2	1,000	1,000	2	0	0	0	0	0	1	0	1
7. CHXD khu 18 xã Phú Hộ trên quốc Lộ 2	500	1,500	3	0	0	0	0	0	1	0	0,8
8. CHXD Thanh Vinh, Khu 6 xã Thanh Vinh trên tỉnh lộ 315	1,000	1,000	3	0	0	0	0	0	1	0	0,8

9. CHXD Văn Lung khu 6 xã Văn Lung trên tỉnh lộ 315	0	1,000	2	0	1	0	0	0	0	0	2.5
10. CHXD khu 4 cụm CN Thanh Minh, xã Thanh Minh, đường Liên xã	0	1,000	2	0	1	0	0	0	0	0	2.5
11. CHXD Khu CN Phú Hà, xã Hà Lộc trên đường mới đường KCN	0	1,500	1	1	0	0	0	0	0	3	0
12. CHXD Hà Thạch, khu 10 xã Hà Thạch đường liên xã	0	1,000	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
13. CHXD trên đường Hồ Chí Minh theo QĐ số 3708/BCT/22/09 của Bộ Công thương	0	1,200	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
Quy hoạch đến năm 2020 TX Phú Thọ có 13 CHXD	6,000	13,700		3	2	0	0	0	8	8.0	11.7
III. Huyện Đoan Hùng											

Chi tiêu CHXD	Diện tích hiện tại (m ²)	Yêu cầu diện tích (m ²)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
1. CHXD Việt Trung - thôn 1 Xã Chân Mộng trên tuyến QL2	600	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
2. CHXD số 35 - thôn 3 xã Chân Mộng trên tuyến QL 2	400	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
3. CHXD Chân Mộng thôn 4 xã Chân Mộng trên tuyến QL2	700	700	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
4. CHXD số 1 xã Chân Mộng thôn 5 xã Chân Mộng trên tuyến QL2	600	1,000	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
5. CHXD số 34 - thôn 16 xã Bằng Luân trên tuyến QL 70	450	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
6. CHXD Thuận Phát - thôn 16 xã Bằng Luân trên tuyến QL 70	540	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
7. CHXD Minh Tiến - thôn 10 xã Minh Tiến trên QL 72	1,540	1,540	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
8. CHXD Hải Ninh - thôn 2 xã Yên Kiện trên QL2	315	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
9. CHXD số 41 - thôn 11 xã Tiên Sơn trên QL 2	1,500	1,500	1	0	0	0	0	0	1	0	2.0
10. CHXD Tây Cốc - thôn 5 xã Tây Cốc trên tuyến QL 70	1,300	1,300	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
11. CHXD Hương Lan - thôn Ngọc Chúc 3 xã Chí Đám trên tuyến QL2	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
12. CHXD số 22 - thôn Ngọc Chúc 2 xã Chí Đám trên tuyến QL2	800	1,000	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
13. CHXD số 15 - thôn 9 xã Sóc Đăng trên tuyến QL2	250	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
14. CHXD Đường Mai - thôn 11 xã Ngọc Quan trên tuyến QL 70	600	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
15. CHXD số 11 - khu Tân Tiến TT Đoan Hùng trên tuyến QL2	750	750	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
16. Đại lý bán lẻ xăng dầu - thôn Đồng Tâm TT Đoan Hùng trên tuyến QL2	750	750	3	0	0	0	0	1	0	1	0
17. CHXD Đức Phương - thôn 8 xã Sóc Đăng trên tuyến QL2	800	800	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
18. CHXD Đoan Hùng 2 khu Tân Tiến TT Đoan Hùng trên QL2	600	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0

19. CHXD Vụ Quang - thôn 3 xã Vụ Quang trên tuyến đường C.T. Sông Lô	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
20. CHXD Hùng Long - thôn 8 xã Hùng Long trên tuyến đường tỉnh lộ 323	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
21. CHXD Hữu Đô - khu Đồng Sỏi thôn 9, xã Hữu Đô	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
22. CHXD Hùng Quan - khu Đồng Đình, thôn Đồng Tiệm, xã Hùng Quan trên tuyến TL322	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
23. CHXD Đông Khê - thôn 3 xã Đông Khê trên đường QL322	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
24. CHXD Phúc Lai - khu Cửu Ông Trang thôn 5 xã Phúc Lai trên đường 319B	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
25. CHXD Quế Lâm - Km 13 + 500, xã Quế Lâm trên QL 70	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
26. CHXD Nghinh Xuyên - thôn 3 xã Nghinh Xuyên trên tỉnh lộ 322	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
27. CHXD Phong Phú - thôn 6 xã Phong Phú đường liên xã gần UBND xã	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
Chi tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
CHXD											
28. CHXD Đông Anh - khu Thọ Sơn, TT Đoàn Hùng, trên QL70	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
29. CHXD Phương Trung - thôn 4 xã Phương Trung đường liên xã gần UBND xã	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
30. CHXD Ca Đình - thôn 7 xã Ca Đình trên đường TL 319	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
31. CHXD Bằng Doãn - thôn 6 xã Bằng Doãn trên đường 319B	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
32. CHXD Minh Lương - thôn 4 xã Minh Lương trên đường 319B	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
33. CHXD Vân Đồn - thôn 3 xã Vân Đồn trên đường 318	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
34. CHXD Minh Phú - thôn 4 xã Minh Phú Trên đường liên xã gần UBND xã	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
Quy hoạch đến năm 2020 Đoàn Hùng có 34 CHXD	13,695	24,940	3	8	8	0	0	8	10	18.4	23.3
IV. Huyện Hạ Hoà											
1. CHXD số 3 Hiền Lương 1 - khu 5 xã Hiền Lương trên QL 32C	1,100	1,100	2	0	0	0	0	1	0	1.5	0
2. CHXD số 30 Hạ Hoà - khu 2 TT Hạ Hoà trên tỉnh lộ 314E	1,000	1,100	2	0	0	0	0	1	0	1.2	0
3. CHXD Xuân Áng khu 01 xã Xuân Áng trên đường QL32C	1,250	1,250	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
4. CHXD Hương Xạ khu 6 xã Hương Xạ trên tỉnh lộ 315	1,150	1,159	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
5. CHXD Ấm Hạ khu 8 Ấm Hạ trên tỉnh lộ 315	800	800	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
6. CHXD Đức Lự (khu 17 xã Đại Phạm) chuyển từ km 24 + 300 sang km 25 + 300. QL. 70	370	1,120	2	1	0	1	0	0	0	1.5	0
7. CHXD Sun Tech (khu 4 Đại Phạm) trên QL 70	1,050	1,050	2	0	0	0	0	1	0	1.2	0
8. CHXD Hồng Phúc (khu 5 xã Vĩnh Chân) trên tỉnh Lộ 320	950	950	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0

9. CHXD Hạ Hoà khu 4 TT Hạ Hoà trên tỉnh lộ 320	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
10. CHXD Đan Thượng (Đ/c tại QĐ số 2669/14/9/09)	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
11. CHXD xã Phương Viên khu 3 xã Phương Viên trên tỉnh lộ 314	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
12. CHXD xã Vô Tranh, khu 1, trung tâm xã Vô Chanh đường liên xã	0	600	3	0	1	1	0	0	0	0.0	1.5
13. CHXD xã Bằng Giã, khu Phú Nhuận ngã ba Vô Tranh - Chế Lưu đường liên xã	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
14. CHXD xã Minh Côi khu 1 xã Minh Côi TT xã trên QL 32C	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
15. CHXD xã Hà Lương (ngã ba đi Đ.Phạm - P. khánh đường liên xã	0	600	3	0	1	1	0	0	0	0.0	2
16. CHXD xã Minh Hạc TT xã Minh Hạc trên tỉnh lộ 320	0	600	3	0	1	1	0	0	0	0.0	2
Quy hoạch đến năm 2020 Huyện Hạ Hoà có 16 CHXD	7,670	13,229		6	3	1	0	7	0	16.1	4.5
V. Huyện Thanh Ba											
Chỉ tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
CHXD											
1. CHXD TT Thanh Ba khu 11 TT Thanh Ba Km 12 + 736 tỉnh lộ 314	1,100	1,500	3	0	1	0	1	0	0	0	1.5
2. CHXD Cty TNHH Đồng Xuân - khu 4 Đồng Xuân Km 14 + 100 tỉnh lộ 414	540	1,500	3	1	0	1	0	0	0	1.5	0
3. CHXD số 12 - Ninh Dân - xã Ninh Dân Km 8 + 500 tỉnh lộ 314	1,200	1,200	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
4. CHXD Ninh Dân 2 - khu 9 Ninh Dân Km 11 + 720 tỉnh lộ 314	1,200	1,200	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
5. CHXD số 5 - Cty TNHH Tự Đức khu 15 xã Yển Khê Km 3 + 30 tỉnh lộ 314C	950	950	3	0	1	0	1	0	0	0	1.5
6. CHXD Chí Tiên 01 - khu 9 xã Chí Tiên Km 63 + 600 trên tuyến đê tả thao	420	1,500	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
7. CHXD Chí Tiên 2 khu 10 - Cty XD Phú Thọ trên tuyến huyện lộ Chí Tiên - Ninh Dân	1,400	1,400	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
8. CHXD Võ Lao - khu 3 xã Võ Lao Km 4 + 660 trên tỉnh lộ 314	0	2,600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
9. Hanh Cù - khu 3 xã Hanh Cù Km 19 + 800 tỉnh lộ 314	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
10. CHXD Đổ Sơn - khu 1 xã Đổ Sơn đường vào Cụm công nghiệp	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
11. CHXD Đổ Xuyên - khu 12 xã Đổ Xuyên Km 52 + 200 trên tuyến đê tả Thao	0	1,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
12. CHXD Vũ Uyển - khu 6 xã Vũ Yển Km 73 + 800 trên tuyến đê tả Thao	0	1,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
13. CHXD trên đường Hồ Chí Minh theo QĐ số 3708/BCT/22/7/09 của Bộ Công thương	0	1,500	1	0	1	0	0	0	0	0	3
14. CHXD km 2 + 500 TL 314 khu 12 xã Khai Xuân (theo CV số 2287/UBND-KT3 ngày 11/3/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ)	0	1,000	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Thanh Ba có 14 CHXD	6,810	18,350		5	5	1	2	0	4	8.5	13.60
VI. Huyện Cẩm Khê											

1. CHXD TT Sông Thao - Km 42 + 20 QL 32C di chuyển đến Km 43 + 400	360	1,000		1	0	1	0	0	0	1.5	0
2. CHXD TT Sông Thao - trung tâm Cụm công nghiệp TTr Sông Thao	800	800	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
3. CHXD Phương Xá xã Phương Xá Km 50 + 100 Q. lộ 32C xã Phương Xá	800	800	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
4. CHXD Phú Lạc - xã Phú Lạc km số 36 + 800 Q. Lộ 32C xã Phú Lạc	500	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
5. CHXD Đồng Lương - xã Đồng Lương Km 28 + 500 QL lộ 32C xã Đồng Lương	300	600	3	0	0	1	0	1	0	0.8	0
6. CHXD Phương Vỹ (Km 5 + 800, tỉnh lộ 323) xã Phương Vỹ	0	1,500	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
7. CHXD Hương Lung (Km 14 + 900, tỉnh lộ 313) xã Hương Lung	0	1,200	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
8. CHXD Điều Lương Km 13 + 500 tỉnh lộ 313 xã Điều Lương	0	1,200	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
9. CHXD Thanh Nga (tại vị trí bỏ xung Quy hoạch cũ) Km79 + 400 tỉnh lộ 313 xã Thanh Nga	0	1,500	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
10. CHXD Văn Khúc (Tại vị trí bỏ sung QH cũ) Km 9 + 700 Tỉnh lộ 313 C xã Văn Khúc	0	1,200	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
11. CHXD Sơn Tinh Trung tâm xã Trên Tuyến tỉnh lộ 313 xã Sơn Tinh	0	1,200	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
12. CHXD Tạ Xá Trung tâm xã Tạ Xá Trên Tuyến tỉnh lộ 313C	0	1,200	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
Chi tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
CHXD											
13. CHXD Cấp Dẫn trung tâm xã trên huyện lộ xã Cấp Dẫn	0	1,200	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
14. CHXD Điều Lương Km 20 + 200 Q. lộ 32C xã Điều Lương	0	1,200	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
15. CHXD xã Yên Tập KM 39 + 600 Q. lộ 32C	0	1,200	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
16. CHXD xã Tuy Lộc trung tâm xã trên Q. lộ 32C	0	1,200	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Cẩm Khê có 16 CHXD	2,760	17,600		7	5	2	0	1	3	11.3	11.3
VII. Huyện Phú Ninh											
1. CHXD Khu Núi Miếu TT Phong Châu trên Q. lộ 2 đối diện UBND TT Phong Châu	591.8	800	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
2. CHXD và Vật tư TH khu 8 xã Phú Ninh trên QL 2, giáp Viện nghiên cứu NLG	800	800	2	0	0	0	0	0	1	0	1.2
3. CHXD Hồng Châu khu 11 Phú Lộc trên QL 2 gần đường vào C ty giấy BB	400	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
4. CHXD số 25 khu 7 Phú Lộc trên QL 2 đối diện trường tiểu học xã Phú Lộc	523	600	2	0	0	0	0	1	0	2.0	0
5. CHXD khu 10 Tiêu Du di dời xây dựng mới đường CTST cách ngã ba Tiêu du đi Đoàn Hùng khoảng 170 m	277	600	3	1	0	1	0	0	0	1.5	0
6. CHXD Trạm Thản khu 2 Trạm Thản trên QL 2 cách đường TT323D 150m về phía Việt Trì	950	950	3	0	0	0	0	0	1	1	0.8
7. CHXD số 4 0 Khu 4TT Phong Châu QL cách cổng Công an huyện 150m phía Việt Trì	4,000	4.000	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
8. CHXD số 2 khu Rừng Mận trên QL2 đoạn rẽ cổng phí bắc nhà máy giấy BB	1.500	1.500	2	0	0	0	0	0	1	0	2.5

9. CHXD Tú Hương khu 9 xóm lô than xã Tiên Phú trên QL 2 cách UBND xã trạn thán 700m	770	770	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
10. CHXD số 36 khu 15 xã Tiên Phú trên QL 2 cách cầu quan 200m về phía Đoàn Hùng	1,640	1.640	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
11. CHXD Khu 10 xã Phù Ninh trên QL 2 cách ngã ba then 60m về phía Đoàn Hùng	100	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
12. CHXD Khu 1 xã Phù Ninh trên QL2 khu vực cổng cụm CN Đồng Lạng	180	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
13. CHXD Khu 4 xã Phù Ninh trên QL 2 khu vực cổng cụm CN Đồng Lạng	350	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
14. CHXD số 1 xã Lệ Mỹ cách ngã ba đường C.T.Lô - tỉnh lộ 323 khoảng 300 phía Việt Trì	1,000	1.000	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
15. CHXD An Đạo khu 4 xã An Đạo trên tỉnh lộ 323C gần UBND xã An Đạo	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
16. CHXD Phú Nham khu 1A xã Phú Nham huyện lộ P4 giáp cầu cỏ xã Phú Nham	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
17. CHXD Tử Đà khu 4 xã Tử Đà (km 13 + 600 trên đường CT Sông Lô)	0	1000	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
18. CHXD Vĩnh Phú khu 2 xã Vĩnh Phú CTSL giáp cổng cây xã V Phú	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
19. CHXD Trị Quận ngã ba chợ vai khu 7 xã Trị Quận đường CTSL rẽ vào UBND xã	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0.0	1.5
20. CHXD xã Liên Hoa khu 4 đường huyện lộ P5 cách UBND xã 200m	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0.0	1.5
21. CHXD Khu Soi Xóm Thượng xã Tiên Du đường CTSL	0	1000	3	1	0	0	0	0	0	2.0	
22. CHXD xã Trung Giáp T huyện lộ P1 cách tượng đài NT liệt sỹ 50 về phía Đoàn Hùng	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0.0	1.5
Chỉ tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
CHXD				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Phù Ninh có 22 CHXD	13,081.8	20,660		6	3	1	0	6	7	15.7	13.6
VIII. Huyện Lâm Thao											
1. CHXD Xuân Huy - xã Xuân Huy, trên tuyến đường đê tả thao	627	627	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
2. CHXD khu 1 TT Hùng Sơn trên tuyến đường 32C (cũ)	1,241	1,241	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
3. CHXD số 9 - xã Thạch Sơn trên tuyến đường 32C (cũ gần xí nghiệp H 76)	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
4. CHXD số 16 khu Cầu Trắng TT Lâm Thao trên tuyến đường 32C (cũ)	1,500	1,500	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
5. CHXD khu Quân Rùa Sơn V (Cty CP Phong Châu) trên đường 324 B	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
6. CHXD khu 12 TT Lâm Thao (Cty Đức Thắng) trên tuyến đường 32C cũ	1,394	1,394	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
7. CHXD số 20 thôn Dục Mỹ giáp địa phận xã Sơn Vi trên tuyến đường 324B	1,504	1,504	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
8. CHXD thôn Phùng Nguyên xã Kinh Kệ (Cty Thiên Thanh) trên đường 32C	600	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
9. CHXD Cao Xá - khu Phong Vân - xã Cao Xá trên tuyến đường 324C	600	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
10. CHXD Hùng Sơn khu Hóc Ứn TT Hùng Sơn trên đường 32C (cũ)	0	1,900	2	1	0	0	0	0	0	2.5	0
11. CHXD Xóm Mua - Tiên Kiên trên tuyến đường 325B	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
12. CHXD Khu 11 Quỳnh Lâm xã Bán Nguyên (trên tuyến đê ST)	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0

13. CHXD Cao Xá - khu Phong Vân B (trên tuyến đê tả Thao) gần ngã ba rẽ Lâm Thao	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0	
14. CHXD khu suối đồng Sơn Dương (QL 32C)	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0	
15. CHXD Tứ Xã (khu 1 xã Tứ Xã ngã ba đường Sơn Vi - Tứ Xã)	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5	
16. CHXD trên đường, Đền Hùng - Xuân Sơn	0	1,000	2	0	1	0	0	0	0	0	2.5	
17. CHXD khu 9 xã Tiên Kiên điểm xuống đường cao tốc Tiên Kiên	0	2,000	1	0	1	0	0	0	0	0	3.5	
18. CHXD Tiên Kiên khu vực giáp danh xã TK - HT trên đường liên xã T.Kiên - H.Thạch	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5	
19. CHXD Cao Xá khu 13 xóm Thành Q.L 32C mới	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0	
20. CHXD Sơn huy khu 13 xã Sơn Huy trên tuyến đê Sông Thao	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5	
21. CHXD Cty TM Phong Châu (ngã 3 Tiên Kiên đường rẽ Đền Hùng)	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0		
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Lâm Thao có 21 CHXD	9,866	19,566		6	5	1	0	0	9	10	19.1	
IX. Huyện Tam Nông												
1. CHXD - TT Hưng Hoá - khu 7, phố Tân Hưng, Hưng Hoá trên QL 32a Gần chợ	600	1.000	2	0	0	0	0	0	0	1	0	1.5
2. CHXD TT Hưng Hoá - khu 1 phố Bắc Giáp TT Hưng Hoá trên QL 32 A	600	600	3	0	0	0	0	0	0	1	0	0.8
3. CHXD Cổ Tiết - xã Cổ Tiết - khu 12 xã Cổ Tiết 32A QL gần cầu Phong Châu	600	600	2	0	0	0	0	0	0	1	0	1.5
4. CHXD Cổ Tiết - xã Cổ Tiết khu 11 xã Cổ Tiết trên tuyến QL 32C	600	600	3	0	0	0	0	0	0	1	0	0.8
Chỉ tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)		
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	
CHXD												
5. CHXD Tứ Mỹ - xã Tứ Mỹ khu 7 xã Tứ Mỹ trên QL 32C	600	600	3	0	0	0	0	0	0	1	0	0.8
6. CHXD xã Hiền Quan TT xã khu 7 xã Hiền Quan trên tỉnh lộ 315	0	1,000	3	0	1	0	0	0	0	0	0	1.5
7. CHXD khu 9 xã Hương Nộn trên đường chậm lữ tỉnh lộ 315	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	0	1.5	0
8. CHXD TT xã Thọ Văn trên đường Xuân Sơn Đền Hùng	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	0	1.5	0
9. CHXD xã Cổ Tiết, trên QL 32A, cách điểm giao nhau QL32A với TL 315 là 100m	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	0	1.5	0
10. CHXD xã Hồng Hà TT xã trên QL 32A xã Hồng Hà	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	0	1.5	0
11. CHXD TT xã Phương Thịnh trên T.Lộ 315 xã Phương Thịnh	0	1,000	3	0	1	0	0	0	0	0	0	1.5
12. CHXD xã Tam Cường trên tỉnh lộ 315	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	0	1.5	0
13. CHXD Hưng Hoá 3 xã Hưng Hoá trên tỉnh lộ 315B Hưng Hoá	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	0	1.5
14. CHXD Dị Nậu - TTâm xã Dị Nậu đường liên xã	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	0.0	1.5	0
15. CHXD trên đường Hồ Chí Minh theo QĐ số 3708/BCT/22/7/09 của Bộ Công Thương		1,000	2	0	1	0	0	0	0	0.0	0	2.5
16. CHXD Thượng Nông - TT xã Thượng Nông đường liên xã		1,000	2	0	1	0	0	0	0	0.0	0	1.5
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Tam Nông có 16 CHXD	3,000	13,200		6	5	0	0	0	0	5	9	13.9

X. Huyện Thanh Thủy													
1. CHXD Yên Mao - khu 4 xã Yên Mao Km 244 + 100 tỉnh lộ 317	2,250	2,250	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5		
2. CHXD Trung Nghĩa - khu 2 xã Trung Nghĩa Km 21 tỉnh lộ 317	500	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0		
3. CHXD Đồng Luận - khu 7 xã Đồng Luận 17 + 150 tỉnh lộ 317	1,851	1,831	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
4. CHXD Trung Thịnh - khu 5 xã T Thịnh Km 3 + 400 huyện lộ, Đồng Thịnh - Trung Thịnh	1,091	1,091	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
5. CHXD Hoàng Xá - khu 13 Km 5 + 200 xã Hoàng Xá tỉnh lộ 317C	2,000	200	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5		
6. CHXD Thái Đào - khu 22 xã Hoàng Xá tỉnh lộ 317, gần cụm CN, làng Nghè	500	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0		
7. CHXD Đoan Hạ - khu 2 xã Đoan Hạ trên tỉnh lộ 317	800	800	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
8. CHXD Đăng Ninh - khu 2 xã Hoàng Xá km 1 + 900 huyện lộ, Hoàng Xá, Sơn Thủy - CThắng	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
9. CHXD La Phù - khu phố TT La Phù km 8 + 600 tỉnh lộ 316 Trung Hà - La Phù	2,550	2,550	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5		
10. CHXD Tân Phương khu 2 xã Tân Phương Km 5 + 800 tỉnh lộ 316	1,000	1,000	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
11. CHXD Thạch Đồng - khu 6 xã Thạch Đồng km 3 tỉnh lộ 316	2,550	2,550	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
12. CHXD Đào Xá - khu 2 xã Đào Xá, Km3 + 500 tỉnh lộ 316B	504	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0		
13. CHXD Xuân Lộc - Khu 5 xã Xuân Lộc đường huyện lộ Thanh Thủy - Tam Nông	972	972	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
14. CHXD Bảo Yên khu 5 xã Bảo Yên Km 7 + 500 tỉnh lộ 316B	2,000	2,000	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
15. CHXD TT Thanh Thủy K4 xã La Phù Km + 500 tỉnh lộ 317 giáp khu du lịch bãi nổi	0	3,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0		
Chi tiêu													
CHXD	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)			
				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020		
16. CHXD Sơn Thủy khu 6 xã Sơn Thủy K 5 huyện lộ Thanh Thủy - Thanh Sơn	0	1,500	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0		
17. CHXD Phương Mao khu 1 xã Phương Mao km6 huyện lộ - Thanh Thủy - Thanh Sơn	0	1,500	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0		
18. CHXD khu CN Trung Hà - khu 1 xã Xuân Lộc, km 1 tỉnh lộ 316 Thanh Thủy - Hà Nội	0	2,00	2	1	0	0	0	0	0	3	0		
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Thanh Thủy có 18 CHXD	19,768	26,244		4	0	0	0	3	11	9.9	10.9		
XI. Huyện Yên Lập													
1. CHXD Yên Lập - khu Tân An 4 - TT Yên Lập di chuyển đến Khu Tân An 2 - TT Yên Lập	149	600	3	1	0	1	0	0	0	0.8	0		
2. CHXD Trung Thành khu Tân An 4 TT Yên Lập trên tỉnh 313 gần bến xe YL	100	600	0	1	0	1	0	0	0	0.8	0		
3. CHXD Trường Thịnh khu Tân An 4 TT Yên Lập trên tỉnh lộ 321 gần UBND xã	600	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8		
4. CHXD Phúc Thành - khu đồng giếng Xuân Tân xã Lương Sơn trên tỉnh lộ 321	967.9	976.9	2	0	0	0	0	1	0	1.5	0		
5. CHXD xã Ngọc Lập khu 13 trường Mầm non cũ trên tỉnh lộ 313	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0		
6. CHXD khu Minh Đức xã Minh Hoà trên tỉnh lộ 313D	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0		
7. CHXD khu Chinh Đồng xã Mỹ Lung gần UBND xã đường liên xã	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0		

8. CHXD khu Dũng Xã Trung Sơn trên huyện lộ Trung Sơn - Xuân An	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
9. CHXD khu 1 xã Xuân Thủy trên tỉnh lộ 321	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
10. CHXD Ngã ba vươngong khu Minh Tân xã Phúc Khánh - Yên Lập trên đường huyện lộ	0	1,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
11. CHXD khu 11 xã Ngọc Đồng (đường Đền Hùng - Xuân Sơn)	0	1,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
12. CHXD khu Đồng Dân xã Đồng Thịnh trên tỉnh lộ 313	0	1,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Yên Lập có 11 CHXD	1,816.9	10,776.9		8	2	2	0	1	1	12.1	5.3
XII. Huyện Thanh Sơn											
1. CHXD số 23 khu ba Mỏ ngã 4 TT Thanh Sơn trên Q.lộ 32A	950	950	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
2. CHXD Nga Quốc khu đầu cầu - TT Thanh Sơn trên QL.ộ 32A	450	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
3. CHXD Toàn Vĩnh - khu Ba Mỏ TT Thanh Sơn trên QI 32A	600	600	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
4. CHXD Toàn Thắng - khu Phú Gia TT Thanh Sơn Trên QL 32 A ngã ba rẽ hạt 7	560	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
5. CHXD số 4 khu cầu khánh TT Thanh Sơn trên QL 32A gần nhà máy gạch tụy nen	1,350	1,350	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
6. CHXD Xóm Khuôn - Sơn Hùng trên QI 32A	600	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
7. CHXD Phúc Hưng - xóm Vũ Xã Lương Nha trên tỉnh lộ 317 gần cầu Lương Nha	1,440	1,440	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
8. CHXD Hương Càn - xóm Khoang Xã Hương Càn trên Tỉnh lộ 316	0	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
9. CHXD Tăng Đức - xã Cực Thắng khu 8 xóm Đồng Dài xã Cự Thắng trên tỉnh lộ 316	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
10. CHXD Khai Hằng 1 xã Yên Sơn khu để ngữ xã Yên Sơn tỉnh lộ 316 gần XN Chè	1,200	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
Chỉ tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
CHXD				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
11. CHXD Khai Hằng 2 xóm Đồn xã Hương Càn tỉnh lộ 316 gần TPTTH xã Hương Càn	850	850	3	0	0	0	1	0	1	0	0.8
12. CHXD Anh Tám - khu 7 xã Giáp Lai trên tỉnh lộ 316 gần chợ Giáp lai	518	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
13. CHXD Việt Tiến - khu Việt Tiến xã Định Quả trên QL 31A gần đường rẽ Yên Lập	500	600	3	0	0	0	0	1	0	0.8	0
14. CHXD Lưu Thủy khu Hà Biên xã Võ Miếu trên tỉnh lộ 317	1,318	1,318	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
15. CHXD Hoà Liên xóm Trông - xã Văn Miếu đường Văn Miếu - Thượng Cừu - Đồng Cừu	1,350	1,350	3	0	0	0	0	0	1	0	0.8
16. CHXD số 12 xóm đệt xã Văn Miếu trên tỉnh lộ 316C đường rẽ xã Tam Thanh - Tân Sơn	1,005	1,005	2	0	0	0	0	0	1	0	1.5
17. CHXD khu 8 xã Tất Thắng tỉnh lộ 316C gần đường rẽ UBND xã Tất thắng	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
18. CHXD khu Đông Vượng xã Yên Lãng trên tỉnh lộ 316 gần chợ	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
19. CHXD khu xóm trại xã Yên Lương trên tỉnh lộ 316 gần trạm Y tế	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
20. CHXD Khu Đám Mạ xã Thắng Sơn tỉnh lộ 317C gần UBND xã	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
21. CHXD TT xã Định Quả xóm Suối Nai trên Ql.ộ 32A gần UBND	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5

22. CHXD TT xã Cự Đồng xóm Minh Khai trên tỉnh lộ 316 gần chợ Cự Đồng	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
23. CHXD TT xã Thực Luyện phố Soi trên tỉnh lộ 316	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
24. CHXD Sơn Hùng xóm lách đường nối TT Thanh Sơn - Sơn Hùng, gần Trường PTTH	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
25. CHXD TT xã Tân Minh xóm Gắn đường Hương Cẩn - Văn Miếu gần UBND xã	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
26. CHXD khu Hoàng Trung TT Thanh Sơn đường 316 kéo dài gần chợ vàng Thanh Sơn	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
27. CHXD TT xã Đồng Cửu	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
28. CHXD TT xã Thượng Cửu xóm Tu Chạm đường Văn Miếu - Thượng Cửu	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
29. CHXD Thạch Khoán xóm Đồng Phú trên tỉnh lộ 316 gần Cty CP Thanh Nhân	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
30. CHXD Giáp Lai khu 8 xã Giáp Lai trên tỉnh lộ 316 gần UBND xã	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
31. CHXD khu 19/ thị trấn Thanh Sơn QH cũ trên QL 32A	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
32. CHXD Yên Sơn (khu Đề Ngự) xã Yên Sơn trên tỉnh lộ 316 gần ngã ba đi Yên Sơn	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
33. CHXD Xóm Rét - Khả Cửu đường Văn Miếu - Thượng Cửu	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
34. CHXD Tinh Nhuệ xóm Mái tại địa điểm bổ sung QH cũ trên tỉnh lộ 317	0	600	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
35. CHXD xã Hương Cẩn QH cũ xóm Tân Hương trên tỉnh lộ 317	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
36. CHXD khu Liên Đồng - Thị trấn Thanh Sơn QH cũ trên tỉnh lộ 316 cách ngã tư TS 2KM	0	600	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Thanh Sơn có 36 CHXD	13,891	25,663		6	14	1	0	6	9	13.8	30.3
XIII. Huyện Tân Sơn											
1. CHXD số 19 - Cty XD Phú Thọ di dời xây mới tại điểm CC15-CC16 QL32A	2,500	1,000	2	1	0	1	0	0	0	2.5	0
Chỉ tiêu	Diện tích hiện tại (m2)	Yêu cầu diện tích (m2)	Cấp CH	Xây mới		Xoá bỏ		Nâng cấp, cải tạo, mở		Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
CHXD				2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020	2010 - 2015	2016 - 2020
2. CHXD số 37 - TT xã Thu Cúc (Cty XD Phú Thọ) trên QL32A	2,500	2,500	3	0	0	0	0	0	1	0	0
3. CHXD Thu Cúc xóm Giác xã Thu Cúc trên Q lộ 32A	2,000	2,000	3	0	0	0	0	0	1	0	0
4. CHXD số 10 Minh Đài - xóm Minh Tâm xã Minh Đài (Cty Việt Phong) tỉnh lộ 316E	3,600	3,600	3	0	0	0	0	0	1	0	0
5. CHXD Hải Ảnh xã Minh Đài TT xã Minh Đài trên tỉnh lộ 316E	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0
6. CHXD Long Cốc xóm Mãng xã Long Cốc trên tuyến đường liên xã gần nhà máy chè MĐài	1,200	1,200	3	0	0	0	0	0	1	0	0
7. CHXD Xuân Đài - xóm Mu xã Xuân Đài trên tỉnh lộ 316E thị tứ, khu du lịch Xuân Sơn	2,800	2,800	3	0	0	0	0	0	1	0	0
8. CHXD xã Tam Thanh xóm Giác xã Tam Thanh trên tỉnh lộ 316 D khu TT vùng	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
9. CHXD xã Vinh Tiến xóm mậu gạo xã Vinh Tiến trên tỉnh lộ 316D khu TT vùng	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
10. CHXD xã Mỹ Thuận, xóm Mịn, xã Mỹ Thuận trên QL32A	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
11. CHXD xã Thu Ngạc khu Tân Ve đường DD 2K6 khu khai thác Mỏ	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0

12. xóm Chiềng - xã Mỹ Thuận trên QLộ 32A	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
13. CHXD xã Thạch Kiệt khu Cường Thịnh xã Thạch Kiệt trên Ql 32A	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
14. CHXD xã Kiệt Sơn, Xóm dọc xã Kiệt Sơn đường liên huyện - TT xã	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
15. CHXD xã Kiệt Sơn xóm vào xã Kiệt Sơn đường Ql 32A khu chế biến LS	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
16. CHXD xã Lai Đồng xóm Vương xã Lai Đồng đường Liên xã	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
17. CHXD TT xã Văn Lương Trung Tâm xã trên tỉnh lộ 316A gần cầu Minh Đài	0	2,000	3	1	0	0	0	0	0	1.5	0
18. CHXD Văn Lương xóm Lương xã Văn Lương tỉnh 316C khu giao lưu K.tế	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
19. CHXD xã Đồng Sơn Xóm Mít 1 xã Đồng Sơn khu TT xã	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
20. CHXD xã Kim Thượng khu Gò Đền tỉnh lộ 316C khu giao lưu K.tế	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
21. CHXD xã Xuân Sơn xóm Dù, xã Xuân Sơn đường vào khu du lịch Xuân Sơn	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
22. CHXD xã Tân Sơn, xóm Trừ, xã Tân Sơn trên tuyến đường liên huyện	0	2,000	3	0	1	0	0	0	0	0	1.5
Quy hoạch đến năm 2020 huyện Tân Sơn có 22 XHXD	15,800	44,300		9	7	1	0	0	6	14.5	10.5
Tổng cộng toàn tỉnh	133,589.8	278,355.6		82	61	11	2	46	81	177.4	178.9

PHỤ BIỂU

Kèm theo Quyết định số: 3338/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2010
của Chủ tịch UBND tỉnh

Đơn vị: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Từ nguồn KF kết dư năm 2009 tại NS tỉnh	Từ nguồn KF kết dư năm 2009 tại huyện và đơn vị
1	Công ty TNHH Nhà nước 1 TV khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ	190.935.000		190.935.000
2	Thành phố Việt Trì	922.233.000	922.233.000	
3	Thị xã Phú Thọ	599.866.000	599.866.000	
4	Huyện Đoan Hùng	141.447.000		141.447.000
5	Huyện Thanh Ba	354.370.000	354.370.000	
6	Huyện Phù Ninh	315.683.000	315.683.000	
7	Huyện Lâm Thao	953.869.000	953.869.000	
8	Huyện Thanh Thủy	945.214.000	945.214.000	
9	Huyện Thanh Sơn	418.951.000	418.951.000	
10	Huyện Tam Nông	369.821.000	159.881.000	209.940.000
11	Huyện Cẩm Khê	2.050.053.000	1.813.731.000	236.322.000
12	Huyện Hạ Hòa	2.315.000	2.315.000	
Cộng		7.264.757.000	6.486.113.000	778.644.000